

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2019
V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Văn Thiết

Ông La Đức Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Miên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Tô Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2018 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H – sinh ngày 19/4/1987. Nơi ĐKKHKT tại: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện M, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đồng Phúc S – sinh ngày 18/8/1985. Trú tại: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng, chị Dương Thị H (Nguyên đơn) trình bày:***

- Về tình cảm: Chị H kết hôn với anh Đồng Phúc S vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và được hai bên gia đình nhất trí tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung

sống cùng gia đình chồng tại thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, nhưng một thời gian sau thì dần dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vì nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân lớn nhất là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng nên đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đồng Phúc S.

- Về con chung: Chị H và anh S có 01 con chung tên là Đồng Bảo N sinh ngày 27/4/2010, hiện nay con đang ở với em trai và bố anh S. Do anh S không có điều kiện chăm sóc con vì vậy chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung: Sau khi kết hôn được bố anh S chia cho 01 con trâu, do không có điều kiện chăn nuôi nên chị H và anh S đã thỏa thuận bán con trâu được số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), số tiền bán trâu chị H đã cho người khác vay. Ngoài ra, chị H còn lấy của anh S số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) cho người khác vay. Cả hai khoản tiền cho vay trên theo chị H là khi cho vay chị H tự quyết định không hỏi ý kiến anh S, vì vậy khi tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H và anh S, chị H sẽ có trách nhiệm tự nguyện trả lại cho anh S toàn bộ số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng), chị H không yêu cầu Tòa án phải đưa những người đã vay tiền của chị H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Các đồ dùng sinh hoạt khác: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

*** *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2019 và lời khai tại Tòa án, anh Đồng Phúc S (bị đơn) trình bày:***

- Về tình cảm: Đúng như chị Dương Thị H trình bày. Anh S và chị H kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn theo pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng những năm gần đây có nhiều mâu thuẫn xảy ra và ngày càng trở nên trầm trọng và đến nay đã không thể hàn gắn được. Từ tháng 4 hay tháng 5/2018, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, về tình cảm anh S cũng đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh S và chị H có 01 con chung tên là Đồng Bảo N, sinh ngày 27/4/2010. Hiện nay cháu N đang ở cùng anh Sơn với bố và em trai của anh S tại Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc chăm sóc hàng ngày do bố đẻ và em trai anh S giúp đỡ, còn việc học hành hàng ngày của cháu N do anh S đi làm xa nên

anh S phải thuê người đưa đón con đi học và giải quyết tất cả các việc liên quan đến việc học hành của con với mức chi phí 3.000.000đ (Ba triệu đồng) /1 tháng. Khi ly hôn anh S có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh S được bố để anh S chia cho một con trâu trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để làm vốn, nhưng do hai vợ chồng không có điều kiện chăn nuôi nên đã thỏa thuận bán con trâu được số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Số tiền trên chị H đã đem cho người khác vay. Ngoài ra chị H còn lấy của anh S số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) cho người khác vay đến nay chưa trả. Vì vậy, khi ly hôn anh S yêu cầu chị H phải trả lại cho anh S toàn bộ số tiền trên. Anh S không yêu cầu Tòa án phải triệu tập những người chị H cho vay tiền để tham gia việc giải quyết vụ án vì chị H đã tự nguyện trả toàn bộ số tiền trên.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Các đồ dùng sinh hoạt khác: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Dương Thị H và anh Đồng Phúc S vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, tài sản theo quy định của pháp luật.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị H. Xử cho chị H được ly hôn anh S.

+ Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Đồng Phúc S có 01 con chung tên là Đồng Bảo N, sinh ngày 27/4/2010, trong quá trình tố tụng, cháu N có văn bản đề nghị khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Chị H và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của anh S thì thấy: hiện nay anh S đi làm ăn xa nhà, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, việc đưa đón con đi học và họp phụ huynh cho con tại nhà trường anh S đều phải thuê người giúp làm hộ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi là hợp lý và đúng với nguyện vọng của con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản: Chị H và anh S xác nhận có tài sản là số tiền bán 01 con trâu và

tiền riêng của anh S tổng cộng là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng). Số tiền này chị H đã cho người khác vay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H tự nguyện trả toàn bộ số tiền trên cho anh S. Yêu cầu của chị H là tự nguyện và đúng pháp luật đề HĐXX ghi nhận.

+ Về nợ chung và đồ dùng sinh hoạt chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ngày 28/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 11/4/2019, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Qua tổng hợp lời trình bày của các bên đương sự và qua xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Dương Thị H và anh Đồng Phúc S có hôn nhân hợp pháp, anh chị đã đăng ký kết hôn tự nguyện theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 21/9/2009 tại giấy kết hôn số 14. Sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, từ năm 2018 vợ chồng anh chị hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do cả anh và chị không thấu hiểu nhau trong cuộc sống dẫn đến những bất đồng và hệ lụy không đáng có, từ đó mâu thuẫn trầm trọng và không ai quan tâm đến ai dẫn đến việc đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Mâu thuẫn của anh chị, họ hàng hai bên gia đình đều biết và khuyên bảo nhưng anh chị vẫn không thể hòa hợp, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm cho hai bên trở về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng hai bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Điều 56. Luật hôn nhân gia đình quy định:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và S đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí ly hôn, do vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuyên xử chị H được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Đồng Phúc S có 01 con chung tên là Đồng Bảo N sinh ngày 27/4/2010, trong quá trình tố tụng, cháu N có văn bản đề nghị khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Chị H và anh S đều có nguyện vọng được con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của anh S, tài liệu xác minh tại địa phương nơi anh S cư trú thì thấy rằng: hiện nay anh S thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, việc đưa đón con đi học và họp phụ huynh cho con tại nhà trường anh S đều phải thuê người giúp làm hộ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo quyền lợi cho cháu N, xét tình hình thực tế của chị H và anh S thì cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H, việc giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi là hợp lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và đúng với nguyện vọng của con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi vợ chồng ly hôn anh Sơn có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và tài sản riêng: Chị H và anh S xác nhận, sau khi kết hôn được bố anh S chia cho hai vợ chồng tài sản là 01 con trâu, do không có điều kiện chăn nuôi nên chị H và anh S đã thỏa thuận bán con trâu được số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); tiền riêng của anh S chị H quản lý là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Số tiền bán con trâu và tiền riêng của anh S chị H đã đem cho người khác vay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H tự nguyện trả toàn bộ số tiền trên cho anh S, chị H và anh S đều không yêu cầu tòa án đưa những người liên quan vào tham gia tố tụng trọng vụ án. Yêu cầu của chị H và anh S là tự nguyện và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng thời ghi nhận việc chị H tự nguyện nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) cho anh S.

[6] Về đồ dùng sinh hoạt của hai vợ chồng, do chị H và anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Về tài sản, do các bên tự nguyện thỏa thuận, nội dung thỏa thuận được Tòa án ghi nhận nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với việc giải quyết tài sản của hai vợ chồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 61, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39/ Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị H. Chị Dương Thị H được ly hôn với anh Đồng Phúc S.

2 - *Về nuôi con chung*: Giao con chung Đồng Bảo N, sinh ngày 27/4/2010 cho chị Dương Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3 – Về tài sản:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị H về việc tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) cho anh Đồng Phúc S, trong đó:

- Tiền giá trị 01 (Một) con trâu được bố anh S chia cho là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

- Tiền riêng của anh S là: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Việc thi hành án khoản tiền trên được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4 - *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án.

Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06030 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Dương Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H và anh S. Chị H và anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã L, Huyện C
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hiền Công Hanh